

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN 2020

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300422482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 4 năm 2016.
- Vốn điều lệ: 293.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 293.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: 1 – 3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại: (84-028) 38262748
- Số fax/Fax: (84-028) 39400942
- Website: [www.sovigaz.com.vn](http://www.sovigaz.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): **SVG**

### *Quá trình hình thành và phát triển:*

- Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn tiền thân là Công ty Hơi kỹ nghệ SOVIGAZ, được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. và Công Ty Việt Nam Hơi kỹ nghệ.

• Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. thuộc Công ty Société D'oxygène Et D'acetylene D'extrême Orient (gọi tắt là S.O.A.E.O.) của Pháp hoạt động tại miền Nam Việt Nam từ tháng 02 năm 1939 chuyên sản xuất Oxygen và Acetylen có địa chỉ tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Khánh Hội - Sài Gòn.

• Công ty Việt Nam Hơi kỹ nghệ, có tên Pháp là Société Vietnamienne de Gaz Industriels, gọi tắt là SOVIGAZ, được thành lập tháng 9 năm 1967. Cơ sở sản xuất đầu tiên của SOVIGAZ đặt tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa - là tiền thân của Xí Nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Biên Hòa hiện nay.

- Đầu năm 1974, SOVIGAZ sáp nhập với S.O.A.E.O thành Công ty Hơi kỹ nghệ – SOVIGAZ. Trung tâm điều hành đặt tại số 1-3 Nguyễn Trường Tộ – Sài Gòn với 3 Chi nhánh: SOVIGAZ Biên Hòa, SOVIGAZ Cần Thơ và SOVIGAZ Nha Trang.

- Sau ngày giải phóng Miền Nam, Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn được thành lập theo quyết định số 229/HC-TCCB ngày 18/05/1976 của Tổng cục Hóa chất trên cơ sở tiếp quản, quốc hữu hóa CÔNG TY HƠI KỸ NGHỆ - SOVIGAZ cùng với 1 Xí Nghiệp sản xuất Acetylen và 2 Xí Nghiệp sản xuất que hàn.

- Năm 1993, Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn được thành lập lại theo Quyết định số

265/QĐ -TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ Công nghiệp Nặng (theo Thông báo số 138/TB ngày 03/05/1993 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý cho phép thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước).

- Năm 2007, Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Hoi kỹ nghệ Que hàn 100% vốn Nhà nước theo quyết định số 3328/QĐ-BCN ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Bộ Công nghiệp.

- Ngày 20/12/2013, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành quyết định số 441/QĐ – HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hoi kỹ nghệ Que hàn.

- Ngày 23/09/2014, Tập Đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 381/QĐ-HCVN, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Hoi kỹ nghệ Que hàn thành công ty cổ phần.

- Công ty TNHH một thành viên Hoi kỹ nghệ Que hàn tổ chức Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng ngày 10/11/2014 tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó:

○ Giá đấu thành công cao nhất:	10.500 đồng/cổ phần
○ Giá đấu thành công thấp nhất:	10.000 đồng/cổ phần
○ Giá đấu thành công bình quân:	10.009 đồng/cổ phần
○ Tổng số cổ phần bán được:	140.900 cổ phần
○ Tổng giá trị cổ phần bán được:	1.410.290.000 đồng

- Công ty hoàn tất thực hiện cổ phần hóa và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300422482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 01 năm 2015 với vốn điều lệ là 293.500.000.000 đồng.

#### *Các sự kiện khác:*

- Năm 1994: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 300 m<sup>3</sup>/h tại Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Khánh Hội;

- Năm 1997: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 150 m<sup>3</sup>/h tại Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Nha Trang;

- Năm 2000: Đầu tư dây chuyền sản xuất khí công nghiệp 350 m<sup>3</sup>/h tại Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Biên Hòa;

- Năm 2000: Thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng, nay là Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Hải Phòng;

- Năm 2002: Thành lập Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương đầu tư dây chuyền sản xuất oxy-nitơ-argon công suất 1.500 m<sup>3</sup>/giờ với công nghệ hiện đại của Mỹ;

- Năm 2002: Công ty được Det Norske Veritas cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000. Năm 2011, công ty chuyển đổi lên phiên bản ISO

9001:2008 và duy trì đến hiện nay.

- Năm 2005: Tiếp nhận sáp nhập Công ty Đất đèn Hóa chất Trảng Kênh thành chi nhánh của Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn;

- Năm 2010: Công ty thực hiện di dời cơ sở sản xuất ra khỏi Thành phố Hồ Chí Minh bằng việc sáp nhập Chi nhánh Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Khánh Hội tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh về XN Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương. Cùng năm, Công ty tiếp tục đầu tư thêm tại Xí nghiệp một dây chuyền sản xuất Oxy-nitơ-argon công suất 3.000 m<sup>3</sup>/giờ với công nghệ hiện đại của Mỹ;

- Năm 2011: Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất que hàn điện công suất 10.000 tấn/năm tại Long An thuộc Dự án di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội;

- Năm 2014: Công ty tiến hành di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang về Khu Công nghiệp Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### • Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất hóa chất cơ bản: sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO<sub>3</sub>) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn (không sản xuất tại trụ sở).

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất Que hàn điện (không sản xuất tại trụ sở)

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: dịch vụ sửa chữa, kiểm tra các loại bình chứa khí công nghiệp.

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: dịch vụ lắp đặt và cung cấp các thiết bị, dây chuyền sử dụng khí công nghiệp, lắp đặt và cung cấp các thiết bị sử dụng khí phục vụ y tế. Lắp đặt, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn dùng trong phòng cháy chữa cháy.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán sản phẩm khí đốt hóa lỏng.

- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu: mua bán vật tư, phụ tùng phục vụ chuyên ngành khí công nghiệp và que hàn điện. Mua bán các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO<sub>3</sub>) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn.

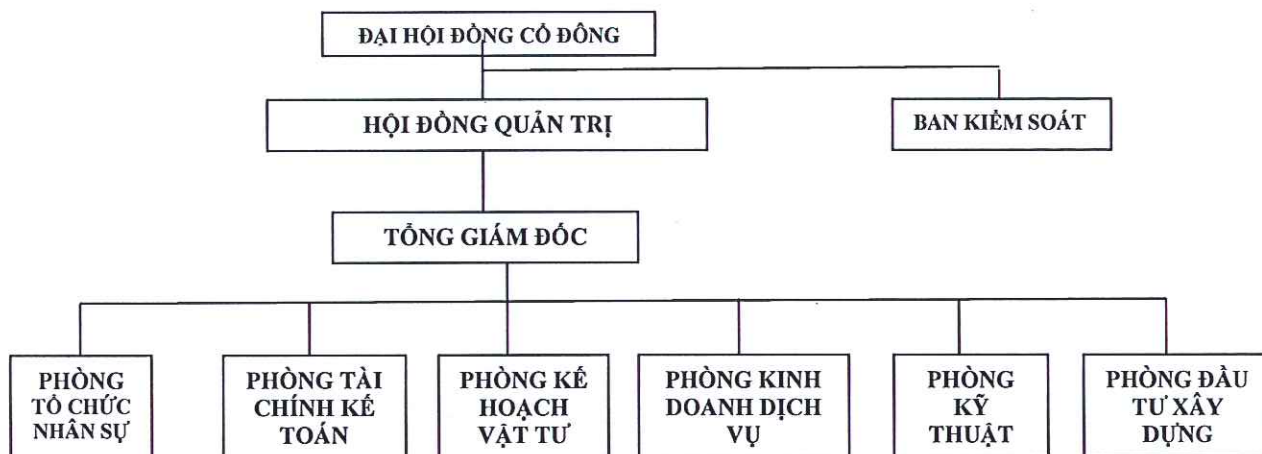
### • Địa bàn kinh doanh:

Các tỉnh phía nam Việt Nam từ Phú Yên đến Cà Mau và các tỉnh phía Bắc: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:



### • Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty cả cổ đông của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

### • Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

• **Tổng giám đốc**

**Ông Trịnh Anh Phong**

- Họ và Tên: Trịnh Anh Phong
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Ngày tháng năm sinh: 23/03/1983      Quê quán: Hải Phòng
- CMND số: 023647916 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/03/2015.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TPHCM
- Địa chỉ hiện tại: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TPHCM
- Trình độ chuyên môn:
  - Kỹ sư Hóa – Đại học Bách khoa TP. HCM;
  - Thạc sĩ Hóa – Đào tạo tại Pháp;
  - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Maastricht Hà Lan;
  - Trình độ chính trị: Cao cấp;
  - Trình độ ngoại ngữ: Anh văn, Pháp văn giao tiếp.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu: 8.228.500 cổ phần
  - Đại diện sở hữu cho Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.218.000 cổ phần
  - Cá nhân sở hữu : 10.500 cổ phần

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế

hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

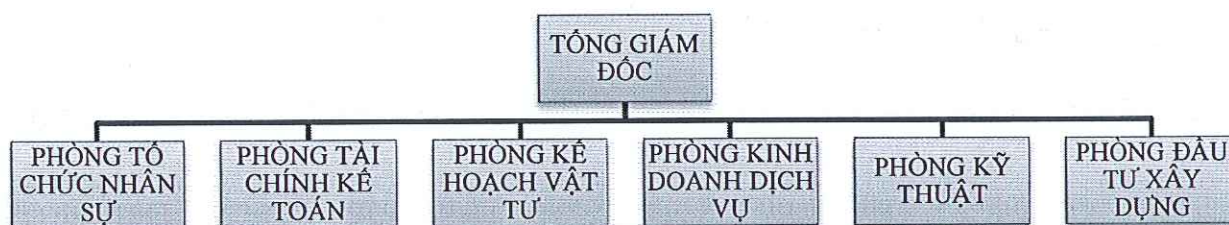
- Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty như sau:



#### • Phòng Tài chính Kế toán

- Tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh tế và tổ chức bộ máy kế toán toàn Công ty theo đúng pháp luật.

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị, bộ phận trong Công ty thực hiện đúng đắn các chế độ tài chính, kế toán, tiền tệ; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tham ô, lãng phí, vi phạm nguyên tắc kinh tế, tài chính.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, tài sản; quản lý, giám sát việc sử dụng vốn; phát huy hiệu quả đồng vốn; đề xuất hướng giải quyết, cân đối các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán; bảo đảm phản ánh rõ ràng, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu kế toán, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phân tích hoạt động kinh tế, tài chính; tham mưu đề xuất những biện pháp phục vụ cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Tổng Giám đốc.

- Đề xuất và thực hiện các hình thức thanh toán đối nội và thanh toán quốc tế.

- Tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về các việc: Thực hiện kế hoạch tài chính, các khoản thu, chi, thanh toán nợ, nộp ngân sách; thực hiện chế độ thanh toán, thực hiện hợp đồng kinh tế, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra báo cáo kế toán, quyết toán tài chính (nếu có).

- **Phòng tổ chức nhân sự**

- Theo dõi pháp chế về hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh tế đúng pháp luật;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về phân công quyền hạn, trách nhiệm và xây dựng sơ đồ tổ chức; xác định mối quan hệ về quyền hạn và phối hợp hoạt động của các phòng, bộ phận;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về hoạch định nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ, đề xuất bổ nhiệm, đề bạt các chức danh lãnh đạo của Phòng Công ty và Chi nhánh trực thuộc;
- Là thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty; Hội đồng Lương Công ty;
- Đề xuất và thực hiện các thủ tục: Tuyển dụng, thôi việc, miễn nhiệm, hưu trí; điều động, kỷ luật và khen thưởng;
- Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch quỹ tiền lương; theo dõi việc thực hiện chế độ nâng bậc lương toàn Công ty;
- Soạn thảo Quy chế trả lương, trả thưởng, nâng lương, nâng bậc, Nội quy Lao động, phối hợp với Công đoàn soạn thảo Thỏa ước lao động.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo nghiệp vụ quản lý; phối hợp với phòng Kỹ thuật tổ chức đào tạo nghề cho công nhân;
- Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; định biên lao động; phối hợp với phòng Kỹ thuật xác định cấp bậc công việc, xây dựng định mức lao động;
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ an ninh, tổ chức hệ thống y tế, vệ sinh lao động. Cùng phòng Kỹ thuật thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn, bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ.
- Quản lý hồ sơ pháp lý của Công ty, hồ sơ hành chính và con dấu Công ty.

- **Phòng Kế hoạch vật tư**

1. Về kế hoạch :

- a) Xây dựng kế hoạch sản xuất - tiêu thụ - tài chính của Công ty hàng năm và tổ chức bảo vệ kế hoạch theo lịch xét duyệt của Tập Đoàn HCVN.
- b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh Tập Đoàn HCVN giao, xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, năm giao các Chi nhánh trực thuộc.
- c) Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, thống kê tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty để phục vụ các cuộc họp điều độ sản xuất toàn Công ty và báo cáo Tập đoàn HCVN, Tổng cục thống kê theo định kỳ, có phân tích nguyên nhân tăng giảm.

d) Phối hợp với phòng Tài vụ thực hiện kiểm tra quyết toán tài chính năm trước và giao kế hoạch giá thành-tài chính năm cho các đơn vị căn cứ thực hiện.

e) Phối hợp với Công đoàn ban hành các chỉ tiêu thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý để các đơn vị phấn đấu thực hiện.

f) Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trực thuộc công ty phù hợp nhiệm vụ kế hoạch toàn công ty.

g) Xây dựng phương án liên doanh, liên kết kinh tế. Phối hợp với phòng Đầu tư xây dựng dự án đầu tư đối với các công trình đầu tư lớn của Công ty.

h) Phụ trách công tác thư ký trong cuộc họp Điều độ sản xuất toàn Công ty.

2. Về cung ứng vật tư, thiết bị :

a) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo tồn kho vật tư nguyên liệu chính tại các đơn vị thành viên, lập kế hoạch thu mua vật tư, nguyên liệu chính đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của các đơn vị thành viên.

b) Thu thập thông tin mua hàng trong và ngoài nước, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng có giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo để trình Tổng Giám đốc Công ty xem xét, phê duyệt.

c) Theo dõi tiếp nhận và tổ chức kiểm tra, nhập kho các vật tư, nguyên liệu chủ yếu.

d) Phối hợp với phòng kỹ thuật theo dõi, quản lý tình hình thực hiện định mức vật tư, nguyên liệu chủ yếu tại các đơn vị thành viên sao cho tiết kiệm nhất.

e) Phối hợp với phòng Kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về các thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.

f) Ra văn bản thông báo kiểm kê vật tư, tài sản toàn Công ty định kỳ và bất thường theo qui định của Nhà nước.

#### • Phòng Kinh doanh dịch vụ

▪ Nghiên cứu thông tin thị trường, xác định yêu cầu, nhu cầu của thị trường trong từng thời kỳ, từng khu vực. Lập phương án chiến lược về thị trường để làm căn cứ, cơ sở cho việc xây dựng các dự án đầu tư phát triển của Công ty.

▪ Tham mưu cho Tổng Giám đốc phân công thị trường nội bộ Công ty và quy hoạch mở rộng thị trường.

▪ Tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trong toàn Công ty; đề xuất chính sách, phương án kinh doanh sản phẩm toàn Công ty; đề xuất yêu cầu cải tiến hoạt động kinh doanh để tăng sức cạnh tranh trong thị trường.

▪ Tổ chức hoạt động tiếp thị, đề xuất việc cung cấp nguồn lực cho hoạt động tiếp thị. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ tiếp thị cho các đơn vị trực thuộc.

▪ Qui định cách thức quản lý luân chuyển chai, bồn chứa khí, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra thực hiện.

▪ Tham mưu cho Tổng Giám Đốc về cơ chế tiêu thụ sản phẩm, hoa hồng, khuyến



mại. Phụ trách hội chợ, website của Công ty và thương mại điện tử.

- Nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh Dịch vụ về công tác dịch vụ:

- Lắp đặt, bảo trì hệ thống dẫn truyền khí và lỏng tại các đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu.

- Quản lý và thực hiện các Hợp đồng lắp đặt, bảo trì hệ thống khí y tế, khí công nghiệp tại các bệnh viện và cơ sở công nghiệp có yêu cầu. Phối hợp với phòng Kỹ thuật hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống dẫn truyền khí và lỏng.

- Tham gia quá trình triển khai dịch vụ mới của Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật**

- Xây dựng tiêu chuẩn (hoặc chuẩn chấp nhận) cho các nguyên vật liệu và sản phẩm của Công ty. Quản lý chất lượng sản phẩm toàn Công ty. Thực hiện công bố chất lượng sản phẩm. Tham mưu cho Tổng Giám đốc về các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng quy trình công nghệ. Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc sản xuất sản phẩm đúng quy trình công nghệ, mẫu mã, chất lượng đã đăng ký hoặc công bố.

- Xây dựng và quản lý định mức tiêu hao vật tư. Thống kê, kiểm tra tình hình thực hiện định mức tại các Chi nhánh; tham mưu cho Tổng Giám đốc về các biện pháp kỹ thuật để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất.

- Xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc công nhân, phối hợp với phòng Tổ chức Nhân sự xác định định mức lao động.

- Tổ chức nghiên cứu sản phẩm mới; nghiên cứu cải tiến kỹ thuật. Phụ trách kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa.

- Xác định các yêu cầu về dữ liệu kỹ thuật của máy móc thiết bị, kể cả thiết bị đo lường, phụ tùng, vật tư cần mua, thiết bị, phụ tùng cần sửa chữa hoặc gia công, xác định nhu cầu sử dụng thiết bị trong quá trình sản xuất.

- Phụ trách công tác sửa chữa lớn. Thiết kế gia công chế tạo phụ tùng. Hỗ trợ các chi nhánh trong việc sửa chữa máy móc thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ và môi trường, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch bảo hộ lao động của Công ty. Tổng hợp hồ sơ cho Tổng Giám đốc xét và phê duyệt các kế hoạch này cho các đơn vị trực thuộc.

- Là thường trực của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, Hội đồng Bảo hộ lao động, Hội đồng thi nâng bậc Công ty.

- Phụ trách công tác an toàn hóa chất. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, PCCC, an toàn lao động, phụ trách đào tạo an toàn lao động, đào tạo vận hành, sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh viên và lực lượng phòng chống cháy nổ.

- **Phòng Đầu tư xây dựng**

- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng

đẫn các qui định của nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý công trình.

- Phối hợp với các phòng liên quan dự thảo phương án đầu tư.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm. Thực hiện các báo cáo theo qui định của nhà nước về công tác đầu tư, xây dựng.
- Lập hồ sơ mời thầu. Tổ chức đấu thầu đối với các dự án đầu tư của công ty. Trực tiếp giám sát tiến độ công trình đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị trong dự án đầu tư báo cáo Tổng Giám đốc.
- Quản lý xây dựng cơ bản nội bộ Công ty; theo dõi, kiểm tra việc xây dựng cơ bản tại các đơn vị trực thuộc. Kiểm tra thiết kế, dự toán và thực hiện các công trình xây dựng cơ bản nhỏ nội bộ Công ty.
- Tổng hợp hồ sơ cho Tổng Giám đốc xem xét và phê duyệt kế hoạch kế hoạch sửa chữa lớn nhà xưởng, vật kiến trúc.
- Năm và báo cáo công tác quản lý đất đai do Công ty quản lý với các đơn vị chức năng liên quan.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty liên kết: không có
- Công ty con:

SOVIGAZ có Văn phòng chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và chín (09) đơn vị trực thuộc, chi tiết như sau:

#### **Văn phòng Công ty**

- Địa chỉ: 1-3, Nguyễn Trường Tộ, phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-028)38262748
- Fax: (84-8) 39400942
- E-mail: [info@sovigaz.com.vn](mailto:info@sovigaz.com.vn)
- Website: [sovigaz.com.vn](http://sovigaz.com.vn)

#### **Các chi nhánh:**

##### **1) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251 - 3836211
- Mã số chi nhánh: 0300422482-002

##### **2) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang – Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn**

- Địa chỉ: Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0258 - 3831186
- Mã số chi nhánh: 0300422482-005

**3) Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội – Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn**

- Địa chỉ: Lô C4, đường số 1, khu công nghiệp Nhựt Chánh, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Điện thoại: 0272 - 3637005
- Mã số chi nhánh: 0300422482-010

**4) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 - 3765336
- Mã số chi nhánh: 0300422482-008

**5) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Xí nghiệp Hoi Kỹ nghệ Cần Thơ**

- Địa chỉ: Đường trục chính, Khu Công nghiệp và Chế xuất Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: 0292 - 3841297
- Mã số chi nhánh: 0300422482-004

**6) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Xí nghiệp Que Hàn Điện Khánh Hội.**

- Địa chỉ: 502 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.04, TP.HCM.

**7) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Hải Phòng**

- Địa chỉ: Kho Vật Cách, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225 - 3534502
- Mã số chi nhánh: 0300422482-006

**8) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Nhà máy Đát đèn và Hóa chất Tràng Kênh**

- Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225 - 3875146
- Mã số chi nhánh: 0300422482-009

**9) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn – Xí nghiệp Hoi Kỹ nghệ Phan Rang**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Nam, Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận.
- Mã số chi nhánh: 0300422482-011

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là duy trì sản xuất ổn định, phát triển bền vững. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, khai thác tốt tiềm năng, nội lực của Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hành tiết kiệm để giảm các chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trên thị trường trong và ngoài nước.

- Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

#### 5. Các rủi ro:

##### **Rủi ro ô nhiễm môi trường**

Đặc thù của lĩnh vực sản xuất que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các sản phẩm từ đất đèn là có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các sản phẩm từ đất đèn nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền

##### **Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào**

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Thời gian gần đây, giá một số loại nguyên, nhiên vật liệu như điện, than, xăng dầu... đều tăng đã đẩy chi phí sản xuất sản phẩm lên cao. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được

những rủi ro đầu vào.

### **Rủi ro tài chính**

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ...

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

*DVT: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện Năm 2019</b>	<b>Thực hiện Năm 2020</b>	<b>Kế hoạch Năm 2020</b>	<b>% Tăng, giảm so với TH 2019</b>	<b>% Tăng, giảm so với KH 2020</b>
Tổng tài sản	442.736.443.401	435.457.256.267		98,35%	
Vốn Chủ sở hữu	299.110.754.962	299.385.986.660	295.892.000.000	100,09%	101,2%
Doanh thu thuần	266.294.517.357	259.803.441.643	270.000.000.000	97,56%	96,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.108.894.862	68.785.856	4.902.300.000	1,12%	1,4%
Lợi nhuận khác	(675.660.353)	3.040.481.121	597.700.000	-	
Lợi nhuận trước thuế	5.433.234.509	3.109.266.977	5.500.000.000	57,23%	56,53%
Lợi nhuận sau thuế	3.844.680.001	2.491.949.698	4.071.200.000	64,8%	61,2%

### **2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)</i>
Trịnh Anh Phong	Tổng Giám Đốc	28,04

- Những thay đổi trong ban điều hành: *Không có*

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 347 người.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Từ ngày 01/01/2019 Công ty áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 157/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ đối với người lao động làm việc ở các Chi nhánh.

- Vùng I:

- Văn phòng Công ty
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hoà
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng
- Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Trảng Kênh

- Vùng II:

- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang
- Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>%/2019</b>
-Tổng giá trị tài sản	442.736.443.401	435.457.256.267	98,35%
-Doanh thu thuần	266.294.517.357	259.803.441.643	97,56%
-Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.108.894.862	68.785.856	1,12%
-Lợi nhuận khác	(675.660.353)	3.040.481.121	-
-Lợi nhuận trước thuế	5.433.234.509	3.109.266.977	57,23%
-Lợi nhuận sau thuế	3.844.680.001	2.491.949.698	64,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,6%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,88  0,63	0,96  0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32 0,48	0,31 0,45
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,71 0,6	7,31 0,6
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,44% 1,28% 0,87% 2,29%	0,96% 0,83% 0,57% 0,026%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Tổng số cổ phần: 29.350.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Số TT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Phân loại cổ đông		Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ
		Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn				
1	Phạm Quốc Đại	x		027086000045	14/11/2014	8.851.800	30,16%
2	Phạm Thị Huyền	x		040367114	28/11/2017	5.870.000	20%
3	Trịnh Anh Phong	x		023647916	02/03/2015	8.218.000	28%
4	Đỗ Trọng Tín	x		021734082	18/09/2007	5.870.000	20%

**Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần năm giữ:**

- Công ty không có cổ đông sáng lập.

- Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phiếu SVG

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không có.*

e) Các chứng khoán khác: *Không có.*

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường: Không có**

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 88.889,2 triệu đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có*

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Chi phí đầu vào của công ty chủ yếu là điện để cho các máy móc thiết bị hoạt động. Năm 2020, Công ty sử dụng 36.624.147 Kwh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có*

**6.4. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 71.923 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số người lao động (người)	353	347
Tổng quỹ lương (đồng)	35.563.526.446	38.002.577.638
Lương bình quân của người lao động (đồng/tháng)	8.396.000	9.251.513



b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động đã được công bố và áp dụng. Các yếu tố nguy hiểm, có hại thường xuyên được kiểm tra, đánh giá, đo lường 1 năm/lần. Thường xuyên rà soát cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đầy đủ cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cá nhân cho người lao động. Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác an toàn vệ sinh lao động theo Thông tư 07/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong đó chú trọng công tác đánh giá nguy cơ rủi ro và hướng dẫn người lao động tự đánh giá nguy cơ về rủi ro an toàn vệ sinh lao động nhằm chủ động phòng, ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn vệ sinh lao động.

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động là một trong những nội dung bắt buộc của công tác bảo hộ lao động, được duy trì liên tục trong quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty, nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn sức khỏe, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, phòng tránh các tai nạn, sự cố trong quá trình làm việc; cũng như quyền, nghĩa vụ của người lao động trong việc chấp hành quy định về ATVSLĐ.

Trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo về: Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động trước khi nhận việc và được huấn luyện nhắc lại định kỳ mỗi năm một lần. Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ được huấn luyện ATVSLĐ có kiểm tra, sát hạch và cấp thẻ an toàn. Công tác huấn luyện ATVSLĐ cho 06 nhóm đối tượng theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 đã huấn luyện cho 279 người, trong đó có 174 người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn – Vệ sinh lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm từ 1 đến 2 lần tùy theo điều kiện lao động, tổng số lao động khám sức khỏe 343 người đạt 97%.

- Ngoài các chế độ theo quy định của Nhà nước Công ty đã xây dựng Quy chế chi tiêu trong đó quy định các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, tiền xăng công tác, cơm ca,... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng nhằm hỗ trợ người lao động và giúp người lao động yên tâm làm việc. Bên cạnh đó, người lao động được hưởng đầy đủ các khoản phúc lợi trong Thỏa ước lao động tập thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Công ty luôn chú trọng đến hoạt động đào tạo nhân lực nên hàng năm công ty đưa ra mục tiêu chất lượng số giờ đào tạo chuyên môn trung bình mỗi năm: 50 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn được tổ chức thường xuyên theo yêu cầu để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Công ty thường xuyên làm công tác từ thiện, tổng số tiền chi cho công tác từ thiện năm 2020 là 200 triệu đồng.

*6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá**

## **về tình hình mọi mặt của công ty)**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2020, Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có những khó khăn và thuận lợi cơ bản sau đây:

#### **❖ Khó khăn**

- + Đối với sản phẩm khí công nghiệp:
  - Tình hình thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt, nhất là cạnh tranh về giá bán sản phẩm vì càng ngày càng nhiều Nhà đầu tư tham gia thị trường ngành khí công nghiệp.
  - Với ưu thế về tài chính và kinh nghiệm lâu năm trên trường quốc tế, các Nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia các dự án FDI công suất lớn. Nguồn cung sản phẩm khí công nghiệp hiện nay đã vượt xa nhu cầu thị trường, do thừa năng lực sản xuất, họ sẵn sàng chào bán với giá cực thấp, làm mất bằng giá các sản phẩm khí công nghiệp trên thị trường ngày một giảm.
  - Các Công ty tư nhân tham gia vào khâu thương mại thường sử dụng các thiết bị cũ, chất lượng kém, giá thành rẻ nhưng không đảm bảo an toàn để cạnh tranh. Vì vậy, thị trường luôn tiềm ẩn nguy cơ giảm giá và mất an toàn.
  - Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, 02 sản phẩm khí công nghiệp có sản lượng tiêu thụ lớn, chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu các sản phẩm khí công nghiệp là oxy và nitơ, năm 2020 tiêu thụ giảm mạnh, làm doanh thu tiêu thụ của toàn Công ty năm 2020 giảm so với cùng kỳ.
- + Đối với sản phẩm que hàn điện:
  - Sản phẩm que hàn cũng chịu sức ép cạnh tranh quyết liệt bởi các cơ sở sản xuất tư nhân trong nước.
  - Mặt khác, năm 2020 ngành công nghiệp đóng tàu trong nước chưa thật sự khởi sắc, nên nhu cầu sử dụng que hàn N48 trong năm chỉ tăng chút ít so với cùng kỳ.
  - Ngoài ra, hiện nay xu hướng sử dụng que hàn tự động thay thế que hàn hồ quang tay diễn ra với tốc độ rất nhanh, làm giảm đáng kể nhu cầu sử dụng que hàn của Công ty.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh như: Tiền thuê đất, chi phí BHXH, chi phí lưu thông phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm cũng ngày một tăng.
- + Trong khi đó, để giữ thị trường trong bối cảnh ngày một cạnh tranh quyết liệt về mặt giá cả, Công ty không thể tăng giá cùng nhịp với giá đầu vào.

#### **❖ Thuận lợi**

- + Thương hiệu Sovigaz tiếp tục được khẳng định trên thị trường.
- + Phương châm hoạt động của Công ty là: “Chất lượng, An toàn, Tận tâm, Uy tín, chuyên nghiệp”, các yêu cầu của khách hàng đều được Công ty đáp ứng bất kể mọi lúc, mọi nơi.
- + Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam, một cổ đông lớn của Công ty, luôn quan tâm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tóm lại, năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nội tại Công ty cũng gặp không ít khó khăn, cụ thể như: Tình hình thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt về mặt giá cả; chi phí sản xuất như tiền thuê đất, chi phí BHXH, lệ phí cầu đường ngày một tăng; nhưng khó khăn nhất là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. Song với sự đoàn kết, nỗ lực

phần đầu của tập thể người lao động, cùng các biện pháp chỉ đạo linh hoạt, kịp thời của Ban Lãnh Đạo, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất và việc làm cho người lao động. Kết quả là: Năm 2020, dù trong điều kiện ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã hoàn thành 97,6 % KH doanh thu Đại hội cổ đông giao, bảo toàn vốn, ổn định việc làm và đời sống người lao động, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- + Giá trị SXCN (giá t/tê): 288,452 tỷ đồng, đạt 97,9 % so c/kỳ; 97,0 % so KH năm.
- + Tổng doanh thu: 263,556 tỷ đồng, đạt 98,8 % so cùng kỳ; 97,6 % so KH năm.
- + Lợi nhuận: 3.109 tr.đ, đạt 57,2 % so cùng kỳ, đạt 56,6 % so KH năm.

## **2. Tình hình tài chính**

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2020: 136.071,27 triệu đồng, Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu 0,45 lần (=136.071,27/ 299.385,99 Tr.đ). Công ty luôn đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không có nợ quá.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy kinh doanh, chọn cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có tầm nhìn gắn liền với chế độ đãi ngộ để làm công tác thị trường.
- + Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, tránh để phát sinh nợ xấu.
- + Tìm mọi biện pháp để quản lý tốt dây chuyền thiết bị, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.
- + Tăng cường công tác quản lý chi phí tại các đơn vị thành viên, thường xuyên nhắc các đơn vị tiết giảm mọi chi phí để hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh.
- + Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí theo Quyết định số 17/QĐ-HCVN, ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tập Đoàn HCVN, có tổng kết, đánh giá từng quý, kèm theo thưởng phạt phân minh.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Tập trung đổi mới công nghệ và quy chuẩn quản lý, đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất và bán hàng. Tìm kiếm cơ hội thị trường để mở rộng công suất nâng cao năng lực cạnh tranh

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

- + Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính Phủ quy định về công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh, kiểm định và quan trắc môi trường lao động, năm 2020, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho 6 nhóm đối tượng, tổng số 176 lượt người. Bên cạnh đó, thực hiện thông tư số 36/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động-Thương binh-Xã hội về việc ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, năm 2020 Công ty đã thực hiện đăng ký, kiểm định để xin cấp giấy chứng nhận kiểm định lần đầu cho toàn bộ bồn lỏng, chai chứa khí mới nhập; gia hạn giấy phép sử dụng cho các dây chuyền, thiết bị sản xuất, các bồn chứa lỏng cố định và di động đến hạn kiểm định lại; báo cáo công tác ATVSLĐ gửi Sở lao động địa phương theo thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động-Thương binh-Xã hội quy định một số nội dung tổ chức

thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở SXKD; khai báo sử dụng đối tượng kiểm định; báo cáo Sở Công thương Thành phố HCM tình hình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động năm 2020.

- + Công tác vệ sinh môi trường cũng được công ty quan tâm đúng mức. Tháng 04 năm 2020 Công ty đã phối hợp với Trung Tâm y tế môi trường thuộc Bộ Công Thương tổ chức đo đạt thông số môi trường cho các đơn vị trực thuộc. Những khu vực chịu tiếng ồn lớn, bụi nhiều, nóng bức được cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động bằng nút tai chống ồn, khẩu trang chống bụi, quạt chống nóng.
- + Thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ và Quyết định số 177/QĐ-HCVN ban hành quy chế bảo vệ môi trường Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường được Sở Tài nguyên Môi trường tại các địa phương xác nhận; Công ty cũng lập sổ đăng ký quản lý chủ nguồn chất thải nguy hại, thuê các đơn vị có chức năng tổ chức thực hiện xử lý chất thải; thực hiện giám sát quan trắc môi trường theo định kỳ và lập đủ hồ sơ về đề án bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, và đã được cấp giấy chứng nhận.
- + Năm 2020 Công ty đã có văn bản chỉ đạo các Chi nhánh triển khai thực hiện tốt “Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động” và tổ chức các hoạt động “Tháng hành động vì môi trường”.
- + Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ và Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất, Công ty đã thực hiện hoàn tất việc xin cấp chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho 7 Chi nhánh và ban hành phiếu an toàn hóa chất cho các sản phẩm khí và lỏng của Công ty.

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- + Năm 2020, song song với việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, việc đảm bảo công ăn việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động cũng được công ty quan tâm đúng mức. Tiền lương bình quân người lao động trong năm 2020 là 9.252.000 đ/người/tháng.
- + Ngoài việc ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, các hoạt động tinh thần cũng được Lãnh Đạo Công ty quan tâm. Năm 2020, Lãnh Đạo Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn, Đoàn Thanh niên tạo điều kiện cho anh em công nhân tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội do Công đoàn Công ty tổ chức nhằm tạo bầu không khí vui tươi, lành mạnh, một yếu tố tinh thần quan trọng kích thích người lao động hăng say lao động sản xuất.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Bên cạnh hoạt động tinh thần, năm 2020 Công ty đã vận động tập thể người lao động tích cực tham gia các công tác xã hội. Tổng số tiền trích cho các hoạt động từ thiện, xã hội trong năm 2020 là 200 triệu đồng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

***1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội***

- Ngay từ đầu năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhận thức nền kinh tế thế giới cũng như trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nội tại Công ty cũng gặp không ít khó khăn, cụ thể như: Tình hình thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt về mặt giá cả; chi phí sản xuất như tiền thuê đất, chi phí BHXH, lệ phí cầu đường ngày một tăng; nhưng khó khăn nhất là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19.

- Từ sự nhận thức trên đây, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông giao năm 2020, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp, bám sát mục tiêu kế hoạch để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD từng tháng, quý.

- Nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng những nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động trong toàn Công ty, năm 2020, dù trong điều kiện ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã hoàn thành 97,6 % KH doanh thu Đại hội cổ đông giao, bảo toàn vốn, ổn định việc làm và đời sống người lao động, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH SXKD năm 2020	Thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so KH	Tỷ lệ % thực hiện so cùng kỳ
1. Giá trị SXCN (theo giá th/tế)	Tỷ đồng	296,364	288,452	97,0	97,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	270,000	263,556	97,6	98,8
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,500	3,109	56,6	57,2
4. Mức cổ tức/VĐL	%	0,6	Không chia cổ tức		

- Qua bảng số liệu cho thấy năm 2020 Công ty cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông giao, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19. Nguyên nhân chủ yếu do:

+ Có sự chỉ đạo làm tốt công tác thị trường nên Công ty đã giữ vững được thị trường truyền thống, và phát triển thêm các khách hàng mới.

+ Có sự chỉ đạo giám sát, quản lý chặt chẽ chi phí SXKD tại các đơn vị thành viên để hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động.

+ Song song với hoạt động SXKD chính, chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, kinh doanh vật tư, hàng hóa để tăng doanh thu. Công ty đã triển khai hệ thống quản lý môi trường theo quy chuẩn ISO 14001:2015 và đã được cấp chứng chỉ trong năm 2020.

- Tuy nhiên, lợi nhuận thực hiện còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do:

+ Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, 02 sản phẩm khí công nghiệp có sản lượng tiêu thụ lớn, chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu các sản phẩm khí công nghiệp là oxy và nitơ tiêu thụ giảm mạnh.

+ Chi phí sản xuất như tiền thuê đất, chi phí BHXH, lệ phí cầu đường ngày một tăng, song để giữ thị trường trong điều kiện ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt, nhất là cạnh tranh về giá bán sản phẩm, Công ty không thể tăng giá bán cùng nhịp với giá đầu vào.

Mặc dù vậy, Công ty đã cố gắng phấn đấu tiết giảm mọi chi phí để đạt lợi nhuận trước

thuế năm 2020 là 3,1 tỷ.

## 2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Nhận thức được những thách thức, khó khăn, đặc biệt là sự ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, nên ngay từ đầu năm 2020 Ban điều hành Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch để xây dựng các chương trình, kế hoạch làm việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD Đại hội cổ đông giao. Qua đánh giá của HĐQT, năm 2020 Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, thể hiện qua các mặt dưới đây:
  - + Giữ vững thị trường truyền thống, đặc biệt đối với khu vực khách hàng Bệnh viện.
  - + Quản lý tốt chi phí SXKD tại các đơn vị thành viên.
  - + Theo dõi sát tình hình thực hiện định mức tại các đơn vị thành viên để kịp chấn chỉnh khi cần thiết.
  - + Quản lý tốt công tác vận hành, ATLĐ, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.
  - + Cân đối cơ cấu nguồn vốn hợp lý, phục vụ kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - + Quản lý tốt giá vật tư, nguyên liệu đầu vào, giữ mức tồn kho vật tư, hàng hóa vừa đủ, không gây ứ đọng vốn.
  - + Triển khai kịp thời công tác đầu tư trang, thiết bị phục vụ SXKD, đáp ứng nhu cầu khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
  - + Dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ tiêu Đại hội Cổ đông giao, ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

## 3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2021

- Sau khi xem xét các mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2020, dự báo tình hình thị trường năm 2021, năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng hiện tại; dự báo những thách thức, khó khăn trong năm 2021, HĐQT thống nhất đề xuất KH SXKD năm 2021 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH SXKD Năm 2021	Tỷ lệ % KH so T. hiện cùng kỳ
1. Giá trị SXCN (theo giá th/té)	Tỷ đồng	279,995	97,1
2. Doanh thu	Tỷ đồng	255,000	96,8
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,000	128,
4. Mức cổ tức/VĐL	%	Không chia cổ tức	

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, tiếp tục ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2021 của Công ty, đặc biệt đối với phân khúc khách hàng chuyên xuất khẩu các mặt hàng gia công cơ khí, thủy hải sản.

- Do tình hình thị trường còn nhiều biến động khó lường, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế có thể điều chỉnh KH SXKD sao cho hợp lý, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất.

- Nhiệm vụ của HĐQT nhằm chỉ đạo hoàn thành KH SXKD năm 2021:

- + Tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trên các lĩnh vực đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công

ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

+ Bám sát diễn biến của thị trường để đưa ra những định hướng, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, nhằm chỉ đạo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ KH SXKD năm 2021.

+ Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý của Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

+ Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả sử dụng đồng vốn.

+ Tiếp tục chỉ đạo công tác thị trường trong điều kiện cạnh tranh ngày một quyết liệt, nhằm giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới. Bên cạnh đó, phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo phát triển sản phẩm mới để tăng doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động.

+ Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; có cơ chế, chính sách tiền lương phù hợp để thu hút, giữ chân người lao động có trình độ, tay nghề chuyên môn cao.

+ Nghiên cứu phát triển một số sản phẩm mới như đá khô, dịch vụ lắp đặt để tăng doanh thu, cải thiện thu nhập cho người lao động.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Chức vụ tại Công ty khác
			Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	8.851.800	30,16%	Không có
2	Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên HĐQT	5.870.000	20%	Không có
3	Ông Trịnh Anh Phong	Thành viên HĐQT	8.218.000	28%	Không có
4	Ông Đỗ Trọng Tín	Thành viên HĐQT	5.870.000	20%	Không có
5	Bà Cao Thị Thúy	Thành viên HĐQT	30.900	0.1%	Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh thông qua việc tổ chức các cuộc họp thường kỳ, ra các Nghị quyết/Quyết định trong phạm vi thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh và công tác quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty.

*Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020:*

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Phạm Quốc đại	11	100%	
2	Ông Trịnh Anh Phong	11	100%	
3	Ông Đỗ Trọng Tín	11	100%	
4	Bà Cao Thị Thúy	10	91%	Vi lý do sức khỏe
5	Bà Phạm Thị Huyền	11	100%	

*Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020:*

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/NG-HĐQT	03-01-2020	Nghị quyết - Vv Phê duyệt E-HSMT- Gói thầu mua 01 bơm chuyển lỏng	100%
2	05/QĐ-HĐQT	03-01-2020	Quyết định - Vv Phê duyệt E-HSMT- Gói thầu mua 01 bơm chuyển lỏng	100%
3	07/NG-HĐQT	03-01-2020	Nghị quyết - Vv Phê duyệt vay vốn ngân hàng	100%
4	28/NQ-HĐQT	15-02-2020	Nghị quyết PD về việc xếp hạng nhà thầu gói thầu số 1: Mua 01 bồn chứa lỏng nằm, dung tích 8m3 (KMH: XCL-2019)	100%
5	29/QĐ-HĐQT	15-02-2020	Quyết định PD về việc xếp hạng nhà thầu gói thầu số 1: Mua 01 bồn chứa lỏng nằm, dung tích 8m3 (KMH: XCL-2019)	100%
6	31/NQ-HĐQT	15-02-2020	Nghị quyết phê duyệt KQLCNT gói thầu: Mua 01 bơm chuyển lỏng thuộc dự án đầu tư 01 bơm chuyển lỏng	100%
7	32/QĐ-HĐQT	15-02-2020	Quyết định phê duyệt KQLCNT gói thầu: Mua 01 bơm chuyển lỏng thuộc dự án đầu tư 01 bơm chuyển lỏng	100%
8	62/NQ-HĐQT	03-03-2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 03/03/2020	100%
9	65/NQ-HĐQT	05-03-2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 03/03/2020 - về việc tổ chức đại hội	100%
10	68/QĐ-HĐQT	05-03-2020	Ban hành bộ định mức vật tư kinh tế kỹ thuật 2020	100%



11	69/QĐ-HĐQT	05-03-2020	Q/Đ vv thành lập Hội đồng xử lý nợ	100%
12	70/QĐ-HĐQT	05-03-2020	Q/Đ vv thành lập Hội đồng thanh lý tài sản	100%
13	72/NQ-HĐQT	06-03-2020	Về việc Quyết toán tiền lương năm 2019	100%
14	77/NQ-HĐQT	09-03-2020	Nghị quyết Vv phê duyệt nhiệm vụ thiết kế dự án đầu tư XD nhà vp cty	100%
15	80/NQ-HĐQT	10-03-2020	NQ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư 02 xe đầu kéo (KMH: XĐK-2020)	100%
16	81/QĐ-HĐQT	10-03-2020	QĐ - phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư 02 xe đầu kéo (KMH: XĐK-2020)	100%
17	86/NQ-HĐQT	16-03-2020	NQ Vv phê duyệt KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 bồn lỏng dạng nằm 8m3 cho các BV (KMH: XCL-2019)	100%
18	87/NQ-HĐQT	16-03-2020	QĐ Vv phê duyệt KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 bồn lỏng dạng nằm 8m3 cho các BV (KMH: XCL-2019)	100%
19	103/NG-HĐQT	23-03-2020	NQ về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo thuộc dự án đầu tư 02 xe đầu kéo (HMH: XĐK - 2020)	100%
20	104/QĐ-HĐQT	23-03-2020	QĐ về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo thuộc dự án đầu tư 02 xe đầu kéo (HMH: XĐK - 2020)	100%
21	106/NG-HĐQT	23-03-2020	NG - Vv PD BCKT KT dự án đầu tư lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại bệnh viện (KMH: BBV-2020.1)	100%
22	107/QĐ-HĐQT	23-03-2020	QĐ-Vv PD BCKT KT dự án đầu tư lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại bệnh viện (KMH: BBV-2020.1)	100%
23	116/NQ-HĐQT	04-04-2020	NQ - Vv gia hạn thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2020	100%
24	121/NQ-HĐQT	13-04-2020	NQ- PD KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo Thuộc dự án đầu tư 02 xe kéo (cho tổ chức đấu thầu lại)	100%
25	122/QĐ-HĐQT	13-04-2020	QĐ- PD KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo Thuộc dự án đầu tư 02 xe kéo (cho tổ chức đấu thầu lại)	100%
26	134/NQ-HĐQT	20-04-2020	NQ - Vv PD E-HSMT gói thầu: Mua 03 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng thuộc dự án Đầu tư lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại BV	100%
27	135/QĐ-HĐQT	20-04-2020	QĐ- Vv PD E-HSMT gói thầu: Mua 03 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng thuộc dự án Đầu tư lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại BV	100%
28	155/NG-HĐQT	04-05-2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 04/5/2020	100%
29	156/NQ-HĐQT	04-05-2020	Nghị quyết họp HĐQT ngày 04/5/2020 - về việc tổ chức đại hội	100%

30	157/QĐ-HĐQT	04-05-2020	QĐ PD BCKT KT 02 bồn 5.000 lít	100%
31	167/NQ-HĐQT	08-05-2020	NQ-Vv xin thay đổi các hạng mục trong kế hoạch SCL năm 2020	100%
32	169/NQ-HĐQT	08-05-2020	NQ-PD KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo (LCNT lần 2) Thuộc dự án đầu tư 02 xe đầu kéo	100%
33	170/QĐ-HĐQT	08-05-2020	QĐ-PD KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 xe đầu kéo (LCNT lần 2) Thuộc dự án đầu tư 02 xe đầu kéo	100%
34	177/NG-HĐQT	13-05-2020	NQ - Vv phê duyệt E-HSMT gói thầu: Mua 02 bồn chứa oxy lỏng di động dạng đứng thuộc dự án Đầu tư 02 bồn chứa Oxy lỏng dạng đứng	100%
35	178/NG-HĐQT	13-05-2020	NQ - Vv PD KQLCNT gói thầu: Mua 03 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng Thuộc dự án đầu tư hệ thống bồn chứa Oxy lỏng tại BV	100%
36	179/QĐ-HĐQT	13-05-2020	QĐ - Vv phê duyệt E-HSMT gói thầu: Mua 02 bồn chứa oxy lỏng di động dạng đứng thuộc dự án Đầu tư 02 bồn chứa Oxy lỏng dạng đứng	100%
37	180/QĐ-HĐQT	13-05-2020	QĐ - Vv PD KQLCNT gói thầu: Mua 03 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng Thuộc dự án đầu tư hệ thống bồn chứa Oxy lỏng tại BV	100%
38	205/NQ-HĐQT	30-05-2020	Nghị quyết Vv thông qua các tài liệu HĐQT trình tại ĐHĐCĐ 2020	100%
39	224/NQ-HĐQT	05-06-2020	NQ - Vv lấy ý kiến TV HĐQT - V/v đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty	100%
40	227/NQ-HĐQT	05-06-2020	NGHI QUYẾT - PD KQLCNT - Gói thầu mua 02 bồn lỏng di động dạng đứng	100%
41	228/QĐ-HĐQT	05-06-2020	QUYẾT ĐỊNH - PD KQLCNT - Gói thầu mua 02 bồn lỏng di động dạng đứng	100%
42	231/NQ-HĐQT	06-06-2020	NGHI QUYẾT - V/v nhân sự phục vụ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
43	232/QĐ-HĐQT	06-06-2020	QUYẾT ĐỊNH - Vv danh sách các nhân sự Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
44	233/QĐ-HĐQT	06-06-2020	QUYẾT ĐỊNH - Vv danh sách các nhân sự Ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
45	234/QĐ-HĐQT	06-06-2020	QUYẾT ĐỊNH - thành lập Ban giúp việc hỗ trợ Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
46	245/NQ-HĐQT	15-06-2020	NGHI QUYẾT -Vv phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư 02 xe tải 5 tấn	100%
47	246/QĐ-HĐQT	15-06-2020	QUYẾT ĐỊNH -Vv phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư 02 xe tải 5 tấn	100%
48	261/NQ-HĐQT	20-06-2020	NQ HĐQT về việc thuê tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh tại VCBL	100%
49	264/NQ-HĐQT	20-06-2020	NQ HĐQT Vv chọn đơn vị Kiểm toán BCTC 2020	100%

50	276/NQ-HĐQT	22-06-2020	NQ HĐQT - Vv phát sinh và điều chỉnh hạng mục trong kế hoạch SCL năm 2020	100%
51	283C/NQ-HĐQT	24-06-2020	NQ HĐQT Vv tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm PTGD Công ty	100%
52	283D/QĐ-HĐQT	24-06-2020	QĐ HĐQT Vv tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm PTGD Công ty	100%
53	285/NQ-HĐQT	25-06-2020	NQ HĐQT - V/v thực hiện chi trả cổ tức năm 2019	100%
54	290/NQ-HĐQT	29-06-2020	NQ HĐQT - Vv đề nghị PD đơn vị Soát xét BCTC giữa niên độ và Kiểm toán BCTC năm 2020	100%
55	340/NQ-HĐQT	11-08-2020	Nghị quyết HĐQT - về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Mua 01 xe tải 5 tấn thuộc dự án Đầu tư 02 xe tải 5 tấn (KMH : XT- 2020)	100%
56	353/NQ-HĐQT	19-08-2020	Nghị quyết HĐQT Vv phê duyệt E-HSMT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn thuộc dự án đầu tư 01 xe chở lỏng 8m3 vận chuyển cho bv	100%
57	359/NQ-HĐQT	24-08-2020	Nghị quyết HĐQT- Tờ trình về việc bổ nhiệm lại Thư ký Công ty	100%
58	378/NQ-HĐQT	07-09-2020	Nghị quyết số -Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu số 1: Mua 01 xe tải 5 tấn Thuộc dự án Đầu tư 02 xe tải 5 tấn	100%
59	390/NQ-HĐQT	16-09-2020	Nghị quyết - PD KQLCNT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn thuộc dự án đầu tư 01 xe lỏng 8m3 vận chuyển cho các bệnh viện (KMH: XCL-2019)	100%
60	397/NQ-HĐQT	25-09-2020	Nghị quyết Vv thống nhất nhân sự giới thiệu bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
61	402/NQ-HĐQT	28-09-2020	NQ-HĐQT - PD E-HSMT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 2) thuộc dự án đầu tư 01 xe lỏng 8m3 vận chuyển cho các bệnh viện (KMH: XCL-2019)	100%
62	403/QĐ-HĐQT	28-09-2020	QĐ-HĐQT-PD E-HSMT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 2) thuộc dự án đầu tư 01 xe lỏng 8m3 vận chuyển cho các bệnh viện (KMH: XCL-2019)	100%
63	406/NQ-HĐQT	29-09-2020	Nghị quyết - Tờ trình về việc ký hợp đồng thuê nhà xưởng để di dời Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn	100%
64	415/NQ-HĐQT	12-10-2020	Nghị quyết-Vv phát sinh và điều chỉnh hạng mục trong kế hoạch SCL năm 2020	100%
65	422/NQ-HĐQT	19-10-2020	NQ HĐQT - Tờ trình vv giao nhiệm vụ Kế toán trưởng	100%
66	423/QĐ-HĐQT	19-10-2020	QĐ HĐQT - Tờ trình vv giao nhiệm vụ Kế toán trưởng	100%
67	436/NQ-HĐQT	30-10-2020	Nghị quyết HĐQT - Cuộc họp HĐQT ngày 30/10/2020	100%
68	444/NQ-HĐQT	04-11-2020	NQ-Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 2) Thuộc dự án đầu tư 01 xe chở lỏng 8m3 vận chuyển cho các	100%

			bệnh viện (KMH: XCL-2019)	
69	445/QĐ-HĐQT	04-11-2020	QĐ-Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 2) Thuộc dự án đầu tư 01 xe chở lỏng 8m3 vận chuyển cho các bệnh viện (KMH: XCL-2019)	100%
70	455/NQ-HĐQT	30-11-2020	NQ HĐQT-phê duyệt KQLCNT Gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 3) thuộc dự án Đầu tư 01 xe chở lỏng 8m3 vận chuyển cho BV	100%
71	456/QĐ-HĐQT	30-11-2020	QĐ HĐQT-phê duyệt KQLCNT Gói thầu số 2: Mua 01 xe chở bồn (LCNT lần 3) thuộc dự án Đầu tư 01 xe chở lỏng 8m3 vận chuyển cho BV	100%
72	476/NQ-HĐQT	10-12-2020	NQ HĐQT - Vv xin phê duyệt Dự án thuê tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại Bệnh viện (KMH: 2020.2)	100%
73	477/QĐ-HĐQT	10-12-2020	QĐ HĐQT - Vv xin phê duyệt Dự án thuê tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa oxy lỏng tại Bệnh viện (KMH: 2020.2)	100%
74	489/NG-HĐQT	15-12-2020	NQ-HĐQT-Tờ trình về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thuê mua tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa Oxy lỏng tại BV (KMH: BBV-2020.2)	100%
75	490/QĐ-HĐQT	15-12-2020	QĐ-HĐQT-Tờ trình về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thuê mua tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa Oxy lỏng tại BV (KMH: BBV-2020.2)	100%
76	492/NG-HĐQT	16-12-2020	NQ-HĐQT-Tờ trình về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 2: Mua 01 xe tải 5 tấn thuộc dự án Đầu tư 02 xe tải 5 tấn (KMH: XT-2020)	100%
77	493/QĐ-HĐQT	16-12-2020	QĐ-HĐQT- Tờ trình về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 2: Mua 01 xe tải 5 tấn thuộc dự án Đầu tư 02 xe tải 5 tấn (KMH: XT-2020)	100%
78	500/NG-HĐQT	23-12-2020	NQ-HĐQT- gói thầu: Mua 02 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng thuộc dự án thuê tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa lỏng tại BV	100%
79	501/QĐ-HĐQT	23-12-2020	QĐ- HĐQT- gói thầu: Mua 02 hệ thống bồn chứa Oxy lỏng thuộc dự án thuê tài chính lắp đặt hệ thống bồn chứa lỏng tại BV	100%
80	600/NQ-HĐQT	31-12-2020	NQ-HĐQT-Xin phê duyệt Dự án Thuê mua tài chính lắp đặt bồn chứa Nitơ lỏng tại khách hàng Casumina (KMH: CSBL-2021)	100%
81	601/QĐ-HĐQT	31-12-2020	QĐ-HĐQT-Xin phê duyệt Dự án Thuê mua tài chính lắp đặt bồn chứa Nitơ lỏng tại khách hàng Casumina (KMH: CSBL-2021)	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong HĐQT: Không có.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Cty: Không có.

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	
			Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đặng Thúy Nga	Trưởng BKS	2.700	0.009%
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Võ Hồng Nhung	Thành viên BKS	2.000	0.007%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể:

+ Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.

+ Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

+ Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán tài chính hiện hành.

+ Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty tại một số Xí nghiệp.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đặng Thúy Nga	4/4	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	4/4	100%	100%

3	Bà Võ Hồng Nhung	4/4	100%	100%
---	------------------	-----	------	------

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:

#### a) Thù lao của HĐQT, BKS:

Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS được hưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chính sách lương, thưởng của Công ty. Phương án thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát của Công ty được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số thành viên	Mức chi (năm)
1	Thù lao Hội đồng quản trị	5	252.000.000
2	Thù lao Ban Kiểm soát	3	267.720.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>519.720.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

### VI. Báo cáo tài chính



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 154/BCKT/TC/NV9

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2021, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 0373-2018-126-1

*Thay mặt và đại diện cho*

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Ngày 19 tháng 02 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Quang Hiệp  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 1320-2018-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.103.601.430</b>	<b>100.718.189.496</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.537.461.357	10.926.090.684
1. Tiền	111		9.537.461.357	10.926.090.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.010.885.723	60.958.455.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	58.815.039.519	56.086.857.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.568.619.150	738.427.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.362.458.359	6.115.648.095
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(735.231.305)	(1.982.477.999)
IV. Hàng tồn kho	140	10	29.828.402.505	28.423.590.264
1. Hàng tồn kho	141		29.828.402.505	28.423.590.264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		726.851.845	410.053.130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	-	126.850.317
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	188.201.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	726.851.845	95.001.093
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>330.353.654.837</b>	<b>342.018.253.905</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		264.341.000	309.341.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	264.341.000	309.341.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		316.880.964.960	332.951.378.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	283.212.474.130	297.617.219.811
- Nguyên giá	222		640.289.454.430	629.392.398.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.076.980.300)	(331.775.178.739)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	10.590.726.740	11.509.576.867
- Nguyên giá	225		11.987.009.115	14.382.986.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.396.282.375)	(2.873.409.324)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	23.077.764.090	23.824.581.924
- Nguyên giá	228		32.083.828.206	32.083.828.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.006.064.116)	(8.259.246.282)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.287.942.728	374.306.364
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.287.942.728	374.306.364
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.920.406.149	8.383.227.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11.920.406.149	8.383.227.939
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>435.457.256.267</b>	<b>442.736.443.401</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020		01/01/2020	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>136.071.269.607</b>		<b>143.625.688.439</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>109.392.501.037</b>		<b>114.222.055.678</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	5.605.987.631		8.158.547.026	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	861.241.692		340.464.456	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	910.831.580		1.214.703.896	
4. Phải trả người lao động	314		2.887.705.036		5.200.835.745	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	204.551.011		542.658.091	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	350.966.454		1.673.145.160	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	98.038.610.554		96.755.273.742	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-		-	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		532.607.079		336.427.562	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.678.768.570</b>		<b>29.403.632.761</b>	
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17	998.311.313		998.311.313	
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	15.284.823.817		16.006.363.117	
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	10.395.633.440		12.398.958.331	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>22</b>	<b>299.385.986.660</b>		<b>299.110.754.962</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>299.385.986.660</b>		<b>299.110.754.962</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		293.500.000.000		293.500.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		293.500.000.000		293.500.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-		-	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.632.787.711		1.479.383.711	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.253.198.949		4.131.371.251	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		761.249.251		3.844.680.001	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.491.949.698		286.691.250	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>435.457.256.267</b>		<b>442.736.443.401</b>	

  
Mai Thị Lý  
Người lập biểu  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 02 năm 2020

  
Mai Tử Phương  
Kế toán trưởng

  
TRẦN ANH PHONG  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	01	260.021.476.352	266.769.024.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	02	218.034.709	474.507.356
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	25	10	259.803.441.643	266.294.517.357
4. Giá vốn hàng bán	26	11	218.155.876.083	219.263.505.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	41.647.565.560	47.031.011.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	21	158.426.833	19.640.708
7. Chi phí tài chính	28	22	9.477.143.411	9.746.681.489
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	9.477.143.411	9.746.681.489
9. Chi phí bán hàng	29	25	15.381.957.745	15.369.228.337
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	26	16.878.105.381	15.825.847.832
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))		30	68.785.856	6.108.894.862
12. Thu nhập khác	30	31	3.456.753.697	535.714.003
13. Chi phí khác	31	32	416.272.576	1.211.374.356
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	3.040.481.121	(675.660.353)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	3.109.266.977	5.433.234.509
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	51	617.317.279	1.588.554.508
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		60	2.491.949.698	3.844.680.001
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	70	68	120

*Mai Thị Lý*

Mai Thị Lý  
Người lập biểu  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 02 năm 2020

*Mai Tứ Phương*

Mai Tứ Phương  
Kế toán trưởng



Mai Tứ Phương  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.109.266.977	5.433.234.509
2. Điều chỉnh cho các khoản		32.558.340.949	39.886.638.435
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.176.871.621	29.177.440.505
- Các khoản dự phòng	03	(1.247.246.694)	982.157.149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(848.427.389)	(19.640.708)
- Chi phí lãi vay	06	9.477.143.411	9.746.681.489
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.667.607.926	45.319.872.944
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.760.183.611)	(3.397.906.243)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.404.812.241)	(272.326.251)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.030.610.270)	(11.130.440.590)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.410.327.893)	(3.553.850.854)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.477.143.411)	(9.763.445.097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.003.293.644)	(2.675.971.413)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.019.009.770
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(532.032.510)	(285.405.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.049.204.346	15.259.536.868
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.830.651.978)	(6.687.934.803)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	54.076.363	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	158.426.833	19.640.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.618.148.782)	(6.668.294.095)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	167.226.368.994	149.426.994.943
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(164.355.079.893)	(150.372.225.250)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.962.385.992)	(2.890.881.652)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.728.588.000)	(1.761.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.819.684.891)	(5.597.111.959)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.388.629.327)	2.994.130.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.926.090.684	7.931.959.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.537.461.357	10.926.090.684

Mai Thị Lý  
Người lập biểu  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 02 năm 2020

Mai Tử Phương  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Phong  
Tổng Giám Đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trình Anh Phong**

